

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HS-PT
Ngày 07/04/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Sơn
Ông Hồ N Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 07/4/2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 251/2022/TLPT-HS ngày 08/11/2022, đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 30/09/2023 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Các bị cáo có kháng cáo.

1. Nguyễn Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12 tháng 11 năm 1979; Nơi cư trú: Khối Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Họ tên cha: Nguyễn Đình M (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T (Đã chết); Chồng: Nguyễn Viết C; Sinh năm 1974; Con: Có 03 người con, con lớn nhất 23 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 14/12/2020 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đến ngày 11/10/2021 mới chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 cho đến ngày 28/4/2022 thì áp dụng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Thị O; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng

11 năm 1977; Nơi cư trú: Khối An Thịnh, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Nguyễn Đình M (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T (Đã chết); Chồng: Nguyễn Viết H; Sinh năm: 1976; Con: Có 02 người con, con lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2022 cho đến ngày 31/01/2022 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 23 tháng 09 năm 1966; Nơi cư trú: Khối Bắc Mỹ, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Nguyễn Bá H (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị R (Đã chết); Chồng: Nguyễn Công Đ; Sinh năm: 1964; Con: Có 04 người con, con lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 27 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 cho đến ngày 28/4/2022 thì áp dụng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

4. Vũ Thị L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1972; Nơi cư trú: Thôn 13, xã Quỳnh Vinh, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Vũ Lê S (Đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị H; Sinh năm: 1932; Chồng: Trần Đức T; Sinh năm 1966; Con: Có 02 người con, con lớn nhất 30 tuổi, nhỏ nhất 28 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/10/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt án treo 36 tháng, thử thách 04 năm 08 tháng 02 ngày về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”, chấp hành xong ngày 26/06/2017; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/01/2022 cho đến ngày 11/03/2022 thì áp dụng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

5. Chu Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 22 tháng 11 năm 1979; Nơi cư trú: Khối Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Chu Đại C; Sinh năm: 1941; Họ tên mẹ: Trần Thị T; Sinh năm: 1947; Chồng: Phan Đức X; Sinh năm: 1975; Con: Có 04 người con, con lớn nhất 20 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Thị Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 05 tháng 08 năm 1976; Hộ khẩu TT: Khối Bắc Mỹ, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: Khối Tân Phong, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh

Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Họ tên cha: Nguyễn Quang V (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1947; Chồng: Nguyễn Viết T; Sinh năm: 1977; Con: Có 03 người con, con lớn nhất 25 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 cho đến ngày 11/03/2022 thì được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

7. Lê Thị P; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 06 tháng 06 năm 1995; Nơi cư trú: Khối Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Lê Sỹ P; Sinh năm: 1964; Họ tên mẹ: Võ Thị N; Sinh năm: 1969; Chồng: Nguyễn Duy H; Sinh năm: 1992; Con: Có 02 người con, con lớn nhất 07 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2022 cho đến ngày 30/01/2022 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Lê Thị N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 26 tháng 02 năm 1990; Nơi cư trú: Khối Phú Lợi 2, phường Quỳnh Di, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nhân viên công ty; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Lê Sỹ P; Sinh năm: 1964; Họ tên mẹ: Võ Thị N; Sinh năm: 1969; Chồng: Thái Đình T; Sinh năm 1989; Con: Có 03 người con, con lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T:* Ông Nguyễn Viết Hằng, Công ty Luật TNHH ASKLAW, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Lê Đăng L, Phan Thị H, Chu Văn H, Hồ Sỹ V, Nguyễn Văn D, Hồ Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vào tháng 01 năm 2022, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L, Nguyễn Thị Q, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Hồng, Lê Thị P, Lê Thị N, Lê Đăng Linh, Phan Thị Hà, Chu Văn Hải, Hồ Sỹ V, Nguyễn Văn Dũng, Hồ Thị Sơn, Đinh Văn Duệ, Nguyễn Thị Hòa sử dụng điện thoại để nhắn tin, gọi điện để đánh các số lô, số đề với nhau. Các đối tượng căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng từ 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 30 phút hàng ngày để xác định việc thắng thua, cụ thể: Mỗi ngày Xổ số kiến thiết miền Bắc cho ra 08 giải với 27

dãy số trúng thưởng, sử dụng 02 số cuối của giải đặc biệt làm số đề, 03 số cuối của giải đặc biệt làm số đề 3 càng, 02 số cuối của 27 dãy số làm số lô và xiên (Trong đó “Xiên 2” là đánh chuỗi 02 cặp số cuối cùng của tất cả các giải, “Xiên 3” là đánh chuỗi 03 cặp số cuối cùng của tất cả các giải). Thỏa thuận thống nhất cách trả tiền trúng thưởng như sau: số đề quy ước đánh 01 trúng 65-70 lần; số ba càng quy ước đánh 01 trúng 200 lần; số lô 01 điểm lô (viết tắt là đ) tương đương từ 21.800 đồng đến 23.000 đồng tùy theo thỏa thuận với từng người, nếu trúng được 80.000 đồng; số xiên 2 đặt 01 trúng 10 lần, số xiên 3 đặt 1 trúng 40 lần. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã xác định như sau:

Từ ngày 11/01/2022 đến ngày 24/01/2022, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L, Nguyễn Thị Q, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Hồng, Lê Thị P, Lê Thị N, Lê Đăng Linh, Phan Thị Hà, Chu Văn Hải, Hồ Sỹ Võ, Nguyễn Văn Dũng, Hồ Thị Sơn sử dụng điện thoại để nhắn tin, gọi điện đánh bạc bằng hình thức đánh các số lô, số đề với nhau. Cụ thể:

1. Nguyễn Thị T đánh bạc 06 lần, tổng số tiền là 755.583.0000 đồng, trong đó: Ngày 11/01/2022, T đánh bạc với P với tổng số tiền là 27.830.000 đồng; Ngày 17/01/2022, T đánh bạc với Lê Thị P, Lê Đăng Linh, Chu Thị T, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T tổng số tiền là 224.474.000 đồng; Ngày 19/01/2022, T đánh bạc với Lê Thị P, Lê Đăng Linh, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L tổng số tiền là 155.878.000 đồng; Ngày 20/01/2022, T đánh bạc với Lê Thị P, Lê Đăng Linh, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L tổng số tiền là 152.786.000 đồng; Ngày 21/01/2022, T đánh bạc với L số tiền là 10.560.000 đồng; Ngày 24/01/2022, T đánh bạc với Lê Thị P, Lê Đăng Linh, Chu Thị T, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L tổng số tiền là 184.055.000 đồng.

2. Nguyễn Thị O đánh bạc 04 lần, tổng số tiền là 305.864.000 đồng. Trong đó: Ngày 17/01/2022 Nguyễn Thị O đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 80.550.000 đồng; Ngày 19/01/2022, Nguyễn Thị O đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 55.914.000 đồng; Ngày 20/01/2022, Nguyễn Thị O đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 75.996.000 đồng; Ngày 24/01/2022, Nguyễn Thị O đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 93.404.000 đồng;

3. Nguyễn Thị T đánh bạc 04 lần, tổng số tiền là 252.929.000 đồng trong đó: Ngày 17/01/2022, T đánh bạc với Nguyễn Thị Q, Hồ Thị Sơn và Nguyễn Thị T tổng số tiền là 117.301.000 đồng; Ngày 19/01/2022, T đánh bạc với Nguyễn Thị Q, Hồ Thị Sơn và Nguyễn Thị T tổng số tiền là 44.570.000 đồng; Ngày

20/01/2022, T đánh bạc với T số tiền là 34.130.000 đồng; Ngày 24/01/2022, T đánh bạc với Hồ Thị Sơn và Nguyễn Thị T tổng số tiền là 56.928.000 đồng.

4. Vũ Thị L đánh bạc 03 lần, tổng số tiền là 150.488.500 đồng, trong đó: Ngày 19/01/2022, Vũ Thị L đánh bạc với Nguyễn Thị T và Phan Thị Hà tổng số tiền là 36.170.000 đồng; Ngày 20/01/2022, Vũ Thị L đánh bạc với Nguyễn Thị T và Phan Thị Hà tổng số tiền là 55.369.500 đồng; Ngày 21/01/2022, Vũ Thị L đánh bạc với Nguyễn Thị T và Phan Thị Hà tổng số tiền là 58.949.000 đồng;

5. Chu Thị T đánh bạc 04 lần, tổng số tiền là 180.660.000 đồng, trong đó: Ngày 17/01/2022, T đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền và trúng là 90.130.000 đồng; Ngày 19/01/2022, T đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền và trúng là 30.760.000 đồng; Ngày 20/01/2022, T đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền và trúng 26.190.000 đồng; Ngày 24/01/2022, T đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền và trúng 33.580.000 đồng

6. Nguyễn Thị Q đánh bạc 02 lần, tổng số tiền là 80.990.000 đồng, trong đó: Ngày 17/01/2022, Q đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền 67.540.000 đồng; Ngày 19/01/2022 Q đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền 13.450.000 đồng.

7. Lê Thị P đánh bạc 06 lần, tổng số tiền là 168.954.000 đồng. Trong đó: Ngày 11/01/2022, P đánh bạc với Lê Thị N, Đinh Văn Duệ, Nguyễn Thị T tổng số tiền là 28.054.000 đồng; Ngày 17/01/2022, P đánh bạc với Lê Thị N, Đinh Văn Duệ, Nguyễn Thị T tổng số tiền là 30.487.000 đồng; Ngày 19/01/2022, P đánh bạc với Lê Thị N, Đinh Văn Duệ, Nguyễn Thị T tổng số tiền là 48.000.000 đồng; Ngày 20/01/2022, P đánh bạc với Lê Thị N, Đinh Văn Duệ, Nguyễn Thị T tổng số tiền là 26.570.000 đồng; Ngày 23/01/2022, P đánh bạc với N số tiền là 8.740.000 đồng; Ngày 24/01/2022, P đánh bạc với Lê Thị N, Đinh Văn Duệ, Nguyễn Thị T tổng số là 27.103.000 đồng.

8. Lê Thị N đánh bạc 06 lần, tổng số tiền là 136.175.000 đồng. Trong đó: Ngày 11/01/2022, N đánh bạc với Nguyễn Văn Dũng, Lê Thị P tổng số tiền là 22.990.000 đồng; Ngày 17/01/2022, N đánh bạc với Nguyễn Văn Dũng, Lê Thị P tổng số tiền là 24.560.000 đồng; Ngày 19/01/2022, N đánh bạc với P số tiền là 38.930.000 đồng; Ngày 20/01/2022, N đánh bạc với P số tiền là 19.350.000 đồng; Ngày 23/01/2022, N đánh bạc với Hồ Sỹ Võ, Lê Thị P tổng số tiền là 9.040.000 đồng; Ngày 24/01/2022, N đánh bạc với Nguyễn Thị Hòa, Chu Văn Hải, Lê Thị P tổng số tiền là 21.305.000 đồng.

9. Phan Thị Hà đánh bạc 03 lần, tổng số tiền là 129.928.500 đồng. Trong đó: Ngày 19/01/2022 Hà đánh bạc với Vũ Thị L tổng số tiền là 31.970.000 đồng;

Ngày 20/01/2022, Hà đánh bạc với Vũ Thị L tổng số tiền là 49.569.500 đồng;
Ngày 21/01/2022, Hà đánh bạc với Vũ Thị L tổng số tiền là 48.389.000 đồng.

10. Lê Đăng Linh đánh bạc 03 lần, tổng số tiền là 40.570.000 đồng. Trong đó: Ngày 19/01/2022, Linh đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 13.170.000 đồng; Ngày 20/01/2022, Linh đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 12.700.000 đồng. Ngày 24/01/2022, Linh đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 14.700.000 đồng.

11. Nguyễn Thị Hồng đánh bạc 02 lần, tổng số tiền là 23.111.000 đồng. Trong đó: Ngày 17/01/2022, Hồng đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 17.361.000 đồng; Ngày 24/01/2022, Hồng đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 5.750.000 đồng.

12. Chu Văn Hải đánh bạc 01 lần vào ngày 24/01/2022, Hải đánh bạc với Lê Thị N tổng số tiền là 12.500.000 đồng.

13. Hồ Thị Sơn đánh bạc 01 lần vào ngày 24/01/2022, Sơn đánh bạc với Nguyễn Thị T tổng số tiền là 8.320.000 đồng.

14. Nguyễn Văn Dũng đánh bạc 01 lần vào ngày 17/01/2022, Dũng đánh bạc với Lê Thị N tổng số tiền là 7.450.000 đồng.

15. Hồ Sỹ Võ đánh bạc 01 lần vào ngày 23/01/2022, Võ đánh bạc với Lê Thị N tổng số tiền là 6.900.000 đồng.

Số tiền các bị cáo đã thanh toán cho nhau cần tịch thu (truy thu).

1. Số tiền thanh toán cho Nguyễn Thị T.

Ngày 11/01/2022 Lê Thị P thanh toán cho Nguyễn Thị T 24.067.500 đồng. Số tiền truy thu đối với Nguyễn Thị T là 24.067.500 đồng.

Ngày 17/01/2022: Lê Thị P thanh toán cho Nguyễn Thị T 245.000 đồng; Nguyễn Thị O thanh toán cho T 19.822.500 đồng; Nguyễn Thị Hồng thanh toán cho T 3.546.000 đồng; Lê Đăng Linh thanh toán cho T 2.427.500 đồng. Sau khi nhận các số lô, số đề của các đối tượng trên, T chuyển lại cho T 28.956.000 đồng và đánh thêm 2.980.000 đồng. Sau khi có kết quả, phần T đánh thêm không trúng, phần lô T chuyển trúng 15.200.000 đồng và đã thanh toán cho T 14.311.000 đồng. Do đó, số tiền truy thu của T là $245.000 + 19.822.500 + 3.546.000 + 2.427.500 - 14.311.000 = 11.730.000$ đồng.

Ngày 19/01/2022: Lê Thị P thanh toán cho Nguyễn Thị T 33.303.000 đồng; Nguyễn Thị O thanh toán cho T 34.951.500 đồng; Chu Thị T thanh toán cho T 3.930.000 đồng; Lê Đăng Linh thanh toán cho T 12.682.000 đồng. Sau khi nhận

các số lô, số đề của các đối tượng trên T chuyển lại một phần cho L và T. Sau khi có kết quả, T không trúng và đã thanh toán cho T 26.145.000 đồng và thanh toán cho L 3.480.000 đồng. Do đó, số tiền truy thu của T là $33.303.000 + 34.951.500 + 3.930.000 + 12.682.000 - 26.145.000 - 3.480.000 = 55.241.500$ đồng.

Ngày 20/01/2022: Lê Thị P thanh toán cho Nguyễn Thị T 13.100.000 đồng; Chu Thị T thanh toán cho T 5.662.500 đồng; Lê Đăng Linh thanh toán cho T 12.550.000 đồng. Sau khi nhận các số lô, số đề của các đối tượng trên T chuyển lại một phần cho L và T. Sau khi có kết quả, đã thanh toán cho T 20.702.500 đồng và thanh toán cho L 480.000 đồng. Do đó, số tiền truy thu của T là $13.100.000 + 5.662.500 + 12.550.000 - 20.702.500 - 480.000 = 10.130.000$ đồng.

Ngày 21/01/2022: Vũ Thị L thanh toán cho T 4.490.000 đồng. Số tiền truy thu của T là 4.490.000 đồng.

2. Số tiền thanh toán cho Nguyễn Thị O.

Ngày 20/01/2022 Nguyễn Thị O đánh bạc với Nguyễn Thị T, sau khi có kết quả, O thắng bạc và T đã thanh toán cho O 3.009.000 đồng. Số tiền truy thu của O là 3.009.000 đồng.

3. Số tiền thanh toán cho Nguyễn Thị T.

Ngày 17/01/2022: Nguyễn Thị T thanh toán cho T 14.311.000 đồng; Nguyễn Thị Q thanh toán cho T 31.290.000 đồng. Số tiền truy thu của T là 45.601.000 đồng.

Ngày 19/01/2022 Nguyễn Thị T thanh toán cho T 26.145.000 đồng; Nguyễn Thị Q thanh toán cho T 4.450.000; Hồ Thị Sơn đã thanh toán cho T 1.487.500 đồng. Số tiền truy thu của T là 32.082.500 đồng.

Ngày 20/01/2022: Nguyễn Thị T thanh toán cho T 20.702.500 đồng. Số tiền truy thu của T là 20.702.500 đồng.

4. Số tiền thanh toán cho Vũ Thị L.

Ngày 19/01/2022: Nguyễn Thị T thanh toán cho Vũ Thị L 3.480.000 đồng; Phan Thị Hà thanh toán cho L 6.657.500 đồng. Số tiền truy thu của L là 10.137.500 đồng.

Ngày 20/01/2022: T thanh toán cho L 480.000 đồng. Số tiền truy thu đối với Vũ Thị L là 480.000 đồng.

Ngày 21/01/2022: Hà thanh toán cho L 521.000 đồng. Số tiền truy thu đối với Vũ Thị L là 521.000 đồng.

5. Số tiền thanh toán cho Chu Thị T.

Ngày 17/01/2022 Chu Thị T đánh bạc với Nguyễn Thị T, sau khi có kết quả, T thắng bạc và T đã thanh toán cho T 15.887.500 đồng. Số tiền truy thu của T là 15.887.500 đồng.

6. Số tiền thanh toán cho Lê Thị Phương.

Ngày 11/01/2022 Lê Thị P chuyển các số lô, số đề của N và Duệ cho Nguyễn Thị T để ăn chênh lệch, cụ thể: P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của N là 188.000 đồng, P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của Duệ là 36.000 đồng, ngoài ra P còn đánh thêm các số lô khác. Sau khi có kết quả, P thua bạc và đã thanh toán cho T 24.067.500 đồng. Số tiền truy thu của P là $188.000 + 36.000 = 224.000$ đồng.

Ngày 17/01/2022 P chuyển các số lô, số đề của N và Duệ cho T để ăn chênh lệch, cụ thể: P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của N là 88.000 đồng, P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của Duệ là 36.000 đồng và đánh thêm các số lô, số đề khác. Sau khi có kết quả, P thua bạc và đã thanh toán cho T 245.000 đồng. Số tiền truy thu của P là $88.000 + 36.000 = 124.000$ đồng.

Ngày 19/01/2022 Lê Thị P chuyển các số lô, số đề của N và Duệ thì chuyển lại cho T ăn chênh lệch: P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của N là 313.000 đồng, P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của Duệ là 24.000 đồng, và đánh thêm các số lô, số đề khác. Sau khi có kết quả, P thua bạc và đã thanh toán cho T 33.303.000 đồng. Số tiền truy thu của P là $313.000 + 24.000 = 337.000$ đồng.

Ngày 20/01/2022 P chuyển các số lô, số đề của N và Duệ cho T ăn chênh lệch cụ thể: P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của N là 129.000 đồng, P ăn chênh lệch khi chuyển các số lô của Duệ là 36.000 đồng, P ăn chênh lệch khi chuyển các số đề của Duệ là 15.000 đồng và đánh thêm các số lô, số đề khác. Sau khi có kết quả, P thua bạc và đã thanh toán cho T 13.100.000 đồng. Số tiền truy thu của P là $129.000 + 36.000 + 15.000 = 180.000$ đồng.

Ngày 23/01/2022 Lê Thị N thanh toán cho P 8.727.500 đồng. Số tiền truy thu của P là 8.727.500 đồng.

7. Số tiền thanh toán cho Lê Thị N.

Ngày 11/01/2022 Lê Thị N chuyển các số lô của Dũng cho P ăn chênh lệch là 60.000 đồng và đánh thêm các số lô, số đề, số xiên khác. Sau khi có kết quả, N thua bạc và đã thanh toán cho P 22.367.000 đồng. Số tiền truy thu của N là 60.000 đồng.

Ngày 17/01/2022 Lê Thị N chuyển các số lô của Dũng cho P ăn chênh lệch là 60.000 đồng và đánh thêm các số lô, số đề, số xiên khác. Sau khi có kết quả, N thua bạc và đã thanh toán cho P số tiền 1.955.000 đồng. Số tiền truy thu của N là 60.000 đồng.

Ngày 23/01/2022 Lê Thị N chuyển các số lô của Hồ Sỹ Võ cho P ăn chênh lệch là 300.000 đồng và đánh thêm các số lô, số đề, số xiên khác. Sau khi có kết quả, N thua bạc và đã thanh toán cho P 8.727.500 đồng. Số tiền truy thu của N là 300.000 đồng.

Ngày 24/01/2022 Lê Thị N nhận các số lô của Chu Văn Hải, Hồ Sỹ Võ, Nguyễn Thị Hòa rồi chuyển lại cho P và đánh thêm các số lô, số đề, số xiên khác. Sau khi có kết quả, Hải thua bạc và đã thanh toán cho N 12.500.000 đồng, Võ thua bạc và đã thanh toán cho N 4.800.000 đồng, Hòa thắng bạc nhưng N chưa thanh toán cho Hòa, N thua bạc và chưa thanh toán cho P. Nhưng đã trừ 13.000.000 đồng đã nộp tại công an. Số tiền truy thu của N là $12.500.000 + 4.800.000 - 13.000.000 = 4.300.000$ đồng.

8. Số tiền thanh toán cho Phan Thị Hà.

Ngày 20/01/2022 Hà đánh bạc với L, sau khi có kết quả, Hà thắng bạc và L đã thanh toán cho Hà 5.783.000 đồng. Số tiền truy thu của Hà là 5.783.000 đồng.

9. Số tiền thanh toán cho Nguyễn Văn Dũng.

Ngày 17/01/2022 Dũng sử dụng số tiền 3.450.000 đồng đánh bạc với N, sau khi có kết quả, Dũng thắng bạc và N đã thanh toán cho Dũng 550.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L, Nguyễn Thị Q, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Hồng, Lê Thị P, Lê Thị N, Lê Đăng Linh, Phan Thị Hà, Chu Văn Hải, Hồ Sỹ Võ, Nguyễn Văn Dũng, Hồ Thị Sơn phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thuỷ 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị O 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị T 03 (Ba) năm tù. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vũ Thị L 03 (Ba) năm tù. Căn cứ vào

điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Chu Thị T 03 (Ba) năm tù. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Q 03 (Ba) năm tù. Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Thị P 13 (Mười ba) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Thị N 13 (Mười ba) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phan Thị Hà 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị Hà 15 (Mười lăm) triệu đồng. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Đăng Linh 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung cáo Lê Đăng Linh 15 (Mười lăm) triệu đồng. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Hồng 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Hồng 15 (Mười lăm) triệu đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, truy thu khoản thu lợi bất chính đối với các bị cáo, án phí, nghĩa vụ các bị cáo được hưởng án treo trong thời gian thử thách án treo, thời điểm chấp hành hình phạt tù của các bị cáo, tính trừ thời gian tạm giam, tạm giữ, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L, Chu Thị T, Nguyễn Thị Q, Lê Thị P, Lê Thị N kháng cáo như sau:

Ngày 06/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị Q kháng cáo xin giảm nhẹ, án treo hoặc cải tạo không giam giữ, vì lý do lần đầu phạm tội, nhân thân tốt, tình nguyện thực hiện các phong trào tại địa phương, bố mẹ đẻ có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương; bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo nộp thêm các tài liệu về việc có công cứu người bị đuối nước, mẹ đẻ được tặng Kỷ niệm chương Chiến sỹ Trường Sơn, huy chương kháng chiến, bố đẻ được tặng huân chương kháng chiến, gia đình được địa phương biểu dương tiêu biểu.

Ngày 10/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, vì lý do nhân thân tốt, tình

nguyện thực hiện các phong trào tại địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án; bố mẹ đẻ là người có công với nước, được tặng thưởng bằng khen. Bị cáo nộp thêm các tài liệu về hiện nay đang phải chữa bệnh; thân nhân của bị cáo ông Nguyễn Viết T, bà Nguyễn Thị Lộc được tặng huy chương kháng chiến; bị cáo có công cứu giúp người bị tai nạn.

Ngày 12/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, vì lý do hiểu biết pháp luật kém, hành vi chưa gây nguy hại cho xã hội, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ đẻ bị cáo là người có công với nước.

Ngày 05/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ vì lý do, bị cáo có nhân thân tốt, tình nguyện tham gia các phong trào tại địa phương, có công cứu giúp người bị nạn, bố chồng và chú ruột là liệt sỹ, con trai đang phục vụ trong quân đội được tặng thưởng huy chương, chồng là cựu chiến binh, bị cáo đang nuôi vợ liệt sỹ, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án. Bị cáo nộp thêm các tài liệu được Trung ương Hội chữ thập đỏ tặng Bằng khen; một số tài liệu về đóng góp, gia đình có công, bố chồng là liệt sỹ, đang nuôi mẹ chồng là vợ liệt sỹ, có công cứu người bị nạn. Bị cáo đã nộp số tiền truy thu theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 06/10/2022, bị cáo Vũ Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ vì lý do bị cáo có nhân thân tốt, tình nguyện tham gia các phong trào tại địa phương, bố mẹ đẻ và bố mẹ chồng là người có công với nước, gia đình hoàn cảnh khó khăn, chồng mất sớm, bị cáo là lao động chính phải nuôi cả gia đình, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án. Bị cáo nộp thêm các tài liệu ông Trần Long được huân, huy chương kháng chiến. Bị cáo đã nộp số tiền truy thu theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 06/10/2022, bị cáo Chu Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ vì lý do bị cáo có nhân thân tốt, tình nguyện tham gia các phong trào tại địa phương, bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo nộp thêm các tài liệu được tặng Bằng khen của tỉnh năm 2003; là Hộ cận

nghèo; chồng bị tai nạn.

Ngày 06/10/2022, bị cáo Lê Thị P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ vì lý do bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội khi đang mang thai, tình nguyện tham gia các phong trào tại địa phương, ông nội chồng có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ.

Ngày 06/10/2022, bị cáo Lê Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ vì lý do bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có công cứu người bị nạn, bị cáo đã ăn năn hối cải, T khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo Nguyễn Thị O, Vũ Thị L trình bày khi đánh bạc các bị cáo không chuyển tiền cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định hình phạt đối với các bị cáo về tội Đánh bạc là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo có xuất trình thêm nhưng tình tiết mới, nhưng không đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị O nhất trí với việc xác định số tiền các bị cáo đánh bạc như kết luận của bản án sơ thẩm; nhưng cho rằng các bị cáo chưa có hành vi giao nhận tiền khi thực hiện hành vi đánh bạc mà chỉ mới nhấn cho nhau; việc căn cứ vào các tin nhắn của các bị cáo để quy đổi ra số tiền tương đương như cấp sơ thẩm kết luận là không đúng; đối với bị cáo Nguyễn Thị O, khi biết tin các đối tượng khác bị bắt đã chủ động lên trình diện khai báo với cơ quan điều tra, đề nghị áp dụng cho bị cáo O tình tiết giảm nhẹ là tự thú. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, đã chấp hành xong quyết định bị xử phạt trước thời điểm phạm tội 3,5 tháng nên không xác định là tiền sự đối với bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được gửi trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc kháng cáo của bị cáo là đúng quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở kết luận: Từ ngày 11/01/2022 đến ngày 24/01/2022, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L, Nguyễn Thị Q, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Hồng, Lê Thị P, Lê Thị N, Lê Đăng Linh, Phan Thị Hà, Chu Văn Hải, Hồ Sỹ Võ, Nguyễn Văn Dũng, Hồ Thị Sơn sử dụng điện thoại để nhắn tin, gọi điện đánh bạc bằng hình thức đánh các số lô, số đề với nhau căn cứ vào kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày, thắng thua được tính bằng tiền. Cụ thể: Nguyễn Thị T đánh bạc 06 lần, tổng số tiền là 755.583.0000 đồng, trong đó 04 lần đánh trên 50 triệu. Nguyễn Thị O đánh bạc 04 lần, tổng số tiền là 305.864.000 đồng trong đó 04 lần đánh trên 50 triệu. Nguyễn Thị T đánh bạc 04 lần, tổng số tiền là 252.929.000 đồng trong đó 02 lần đánh trên 50 triệu. Vũ Thị L đánh bạc 03 lần, tổng số tiền là 150.488.500 đồng, trong đó 02 lần đánh trên 50 triệu. Chu Thị T đánh bạc 04 lần, tổng số tiền là 180.660.000 đồng, trong đó 01 lần đánh trên 50 triệu. Nguyễn Thị Q đánh bạc 02 lần, tổng số tiền là 80.990.000 đồng, trong đó 01 lần đánh trên 50 triệu. Lê Thị P đánh bạc 06 lần, tổng số tiền là 168.954.000 đồng. Lê Thị N đánh bạc 06 lần, tổng số tiền là 136.175.000 đồng.

Đối với nội dung người bào chữa cho rằng, chỉ căn cứ vào các tin nhắn đề quy đổi ra số tiền đánh bạc là không đúng. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận việc thỏa thuận thống nhất với nhau về quy ước cách đánh bạc, số tiền được thua khi đánh lô, đề, xiên, ba càng... số tiền % hoa hồng và đã thanh toán cho nhau số tiền thắng thua sau khi tính toán. Cụ thể: Nguyễn Thị O, trong các lần đánh bạc ngày 17, 19, 20/01/2022, Nguyễn Thị O và Nguyễn Thị T đã cân đối và thanh toán cụ thể, T đã thanh toán cho O số tiền 3.009.000 đồng; Vũ Thị L, đã cân đối thắng thua giữa T – L – Phan Thị Hà và thanh toán cho nhau xong trong các ngày 19, 20, 21/01/2022; Nguyễn Thị T đã khai nhận việc thanh toán số tiền cân đối thắng, thua với Nguyễn Thị O và Vũ Thị L cũng như các bị cáo khác trong vụ án (trừ ngày 24/01/2022, T chưa thanh toán). Các bị cáo không kháng cáo, khiếu nại gì với số tiền để xác định tang số

đánh bạc, chỉ nại rằng khi đánh bạc các bị cáo không chuyển tiền cho nhau. Như vậy, các bị cáo đã thống nhất ý chí với nhau về việc đánh bạc được thua bằng tiền; có tỷ lệ thua thắng, % hoa hồng; việc đánh bạc được thông qua tin nhắn điện thoại với nhau đã được cơ quan điều tra kết xuất và các bị cáo xác nhận. Số tiền đánh bạc được xác định căn cứ số tiền đánh bạc giữa các bị cáo (thể hiện trên tin nhắn điện thoại); việc xác định tang số là đúng quy định pháp luật.

Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm. Bị cáo Nguyễn Thị T chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc ngày 11/10/2021, đến ngày 11/01/2022 thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc (thời hạn 03 tháng) việc xác định tiền sự đối với bị cáo T là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L, Nguyễn Thị Q, Chu Thị T, Nguyễn Thị O, về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự, đối với Lê Thị P và Lê Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1]. Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo có xuất trình thêm một số chứng cứ về cứu người đuối nước, cứu người bị tai nạn, gia đình có người thân có công với nước, có tham gia thực hiện các hoạt động tình nguyện tại địa phương. Xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét để áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị O, sau khi bị cơ quan điều tra bắt giữ T (ngày 25/01/2022) và một số đối tượng, ngày 28/01/2022, bị cáo O đến cơ quan điều tra để trình diện, khai báo. Thời điểm bị cáo đến khai báo, sự việc đã bị cơ quan chức năng phát hiện. Bị cáo không phải là tự thú mà được xem xét là đầu thú.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, quá trình xét xử bị cáo xuất trình thêm tài liệu về việc được Trung ương Hội chữ thập đỏ tặng Bằng khen, Tòa án đã tiến hành xác minh đây là tài liệu có thật, do Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng cho bà T, vì vậy có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1

Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Lê Thị P, căn cứ tài liệu do cấp sơ thẩm thu thập, ngày 02/3/2022, bị cáo có kết quả siêu âm thai 06 tuần tuổi ; ngày 14/4/2022 có kết quả thai tương đương 10 tuần tuổi ngừng phát triển. Cấp sơ thẩm nhận định thai đã chết lưu trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội nên chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong tháng 1/2022, ngày 25/01/2022 bị cáo bị bắt đến ngày 28/01/2022 thì được tại ngoại, thời điểm ngày 02/3/2022 thai đang 06 tuần tuổi, vì vậy có căn cứ xác định bị cáo phạm tội khi đang mang thai, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 51 cho bị cáo.

[3.2]. Về kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Trong vụ án này, các bị cáo đều có nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc, đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (Phạm tội 02 lần trở lên). Căn cứ quy định về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, các bị cáo không đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

[3.3]. Về kháng cáo xin giảm hình phạt. Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, phân hóa vai trò của các bị cáo, quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo bằng hình phạt tù có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Lê Thị P có các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Thị T năm nay đã 57 tuổi vì vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; đối với Nguyễn Thị T có thể xem xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo Chu Thị T, xét hoàn cảnh bị cáo thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Nguyễn Thị Q, xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án có thể giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo khác, có xuất trình thêm tài liệu là các tình tiết được xem xét áp dụng tại khoản 2 Điều 51, tuy nhiên khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T, Lê Thị P, Chu Thị T, Nguyễn Thị Q được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo khác phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, Chu Thị T, Nguyễn Thị Q và Lê Thị P (về nội dung xin giảm hình phạt); không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị O, Vũ Thị L, Lê Thị N.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thuỷ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 đến ngày 28/4/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội Đánh bạc. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2022 đến ngày 31/01/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm tù về tội Đánh bạc. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 đến ngày 28/4/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị L 03 (ba) năm tù về tội Đánh bạc. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 11/03/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Thị T 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 321; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Nhưng được trừ

thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 đến ngày 11/03/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị P 10 (mười) tháng tù về tội Đánh bạc. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2022 cho đến ngày 30/01/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị N 13 (mười ba) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thị T, Chu Thị T, Nguyễn Thị Q, Lê Thị P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị O, Vũ Thị L, Lê Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã H;
- VKSND thị xã H;
- Cơ quan điều tra Công an Tx H;
- Cơ quan T.H.A hình sự Tx H;
- Các bị cáo kháng cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường